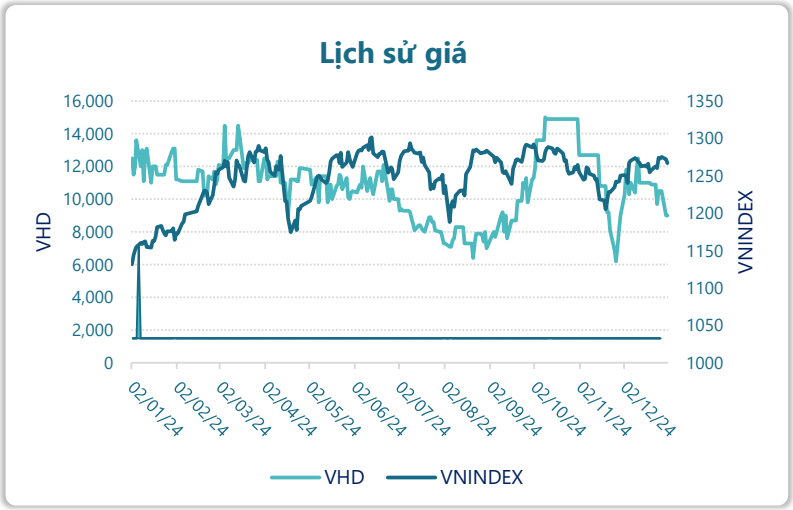
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinahud (UPCOM: VHD)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
SL cổ phiếu LH	38,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	386,065
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	342
P/E	-1.9
EPS	-4,687

DT thuần

Q4/24

23.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼29.5| -56.2%

YoY: ▼68.3| -74.8%

LN sau thuế

Q4/24

-16.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 34.6| 67.6%

YoY: ▲ 61.8| 78.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.3%

+/- YoY: ▲ 3.2%

DT thuần

2024

195

tỷ VNĐ

YoY: ▼116| -37.3%

LN sau thuế

2024

-178

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.0| -8.8%

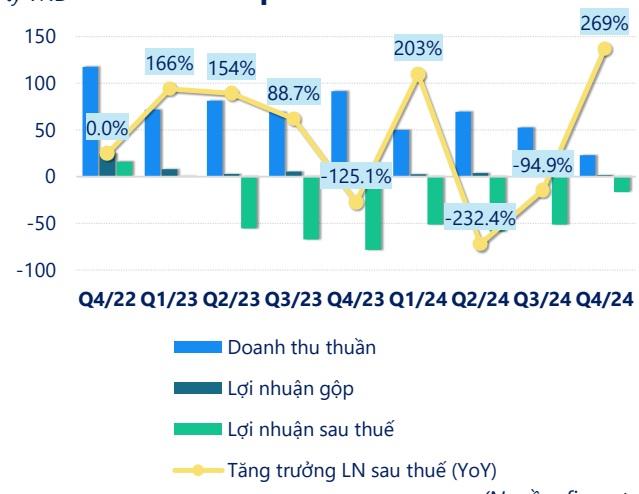
ROE

2024

-113%

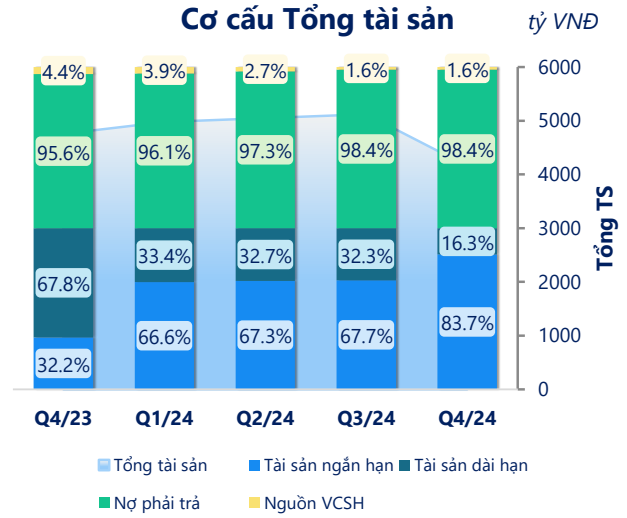
+/- YoY: ▼ 63.7%

Kết quả kinh doanh



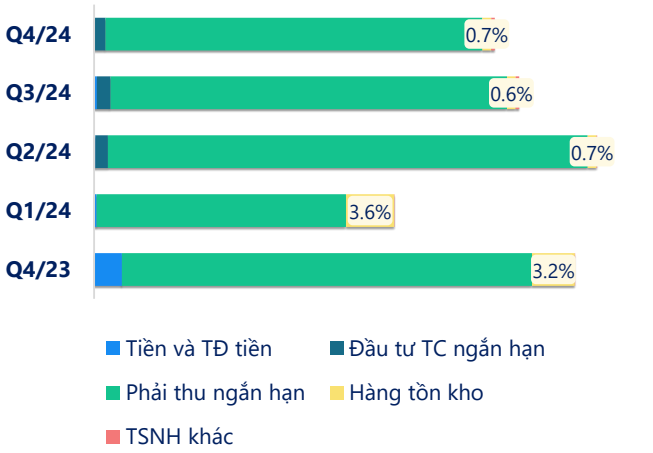
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



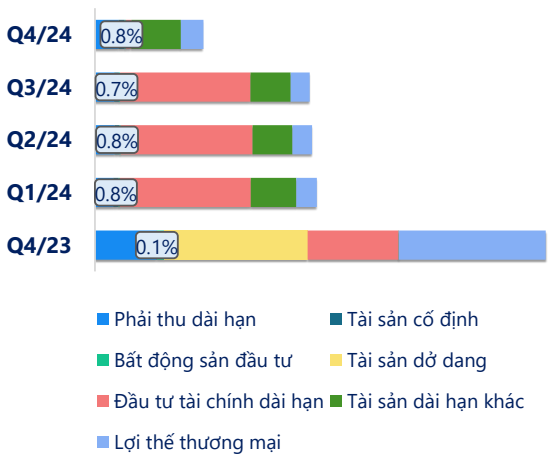
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



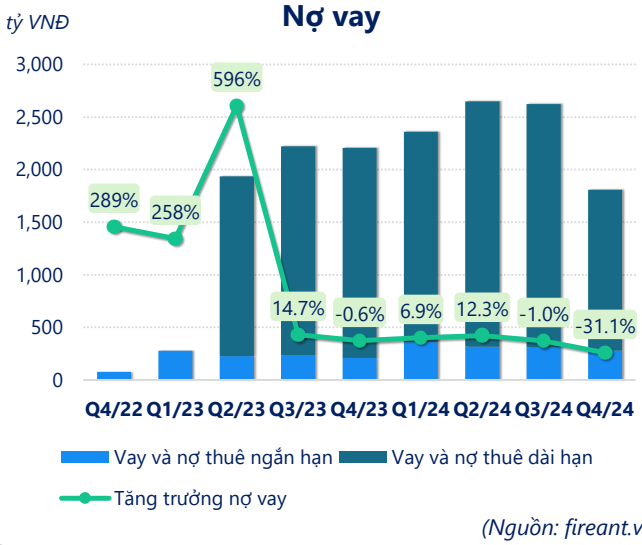
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



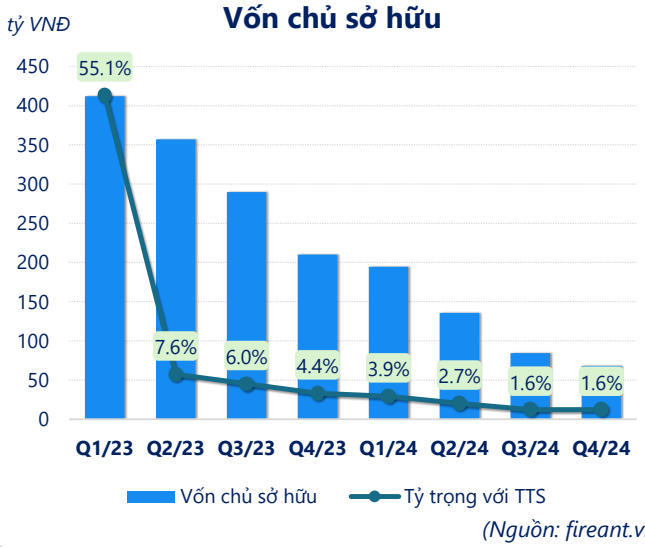
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



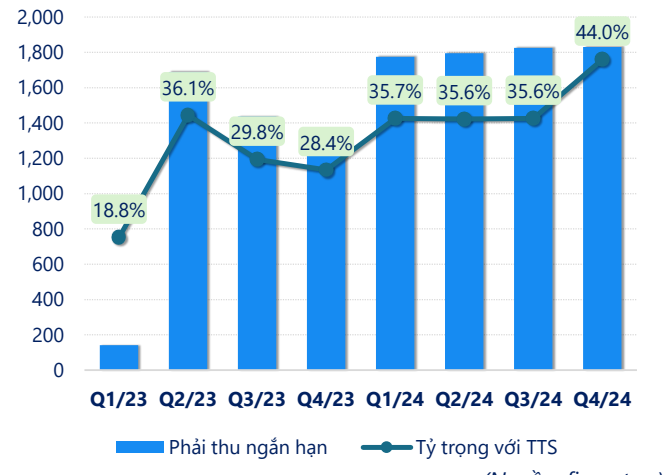
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



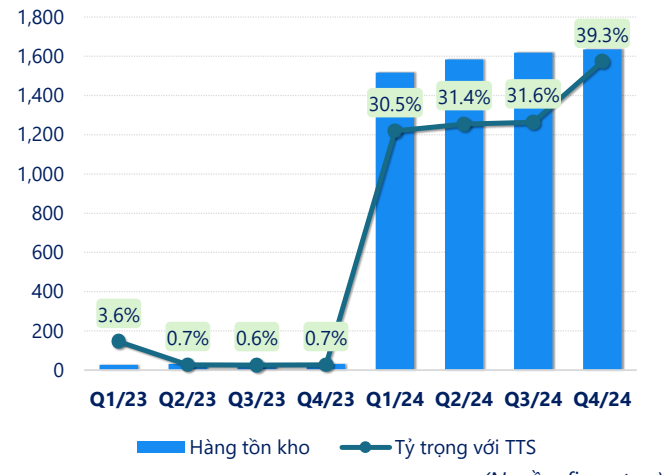
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



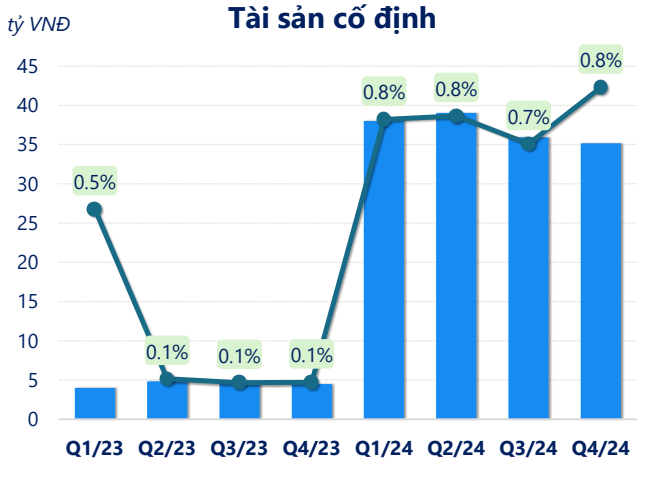
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



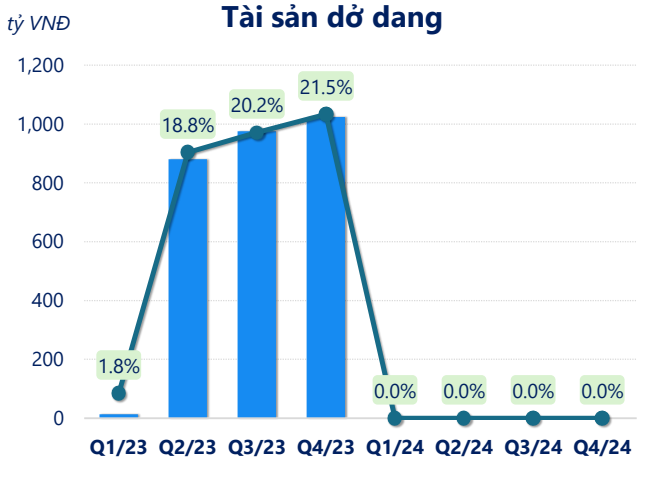
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



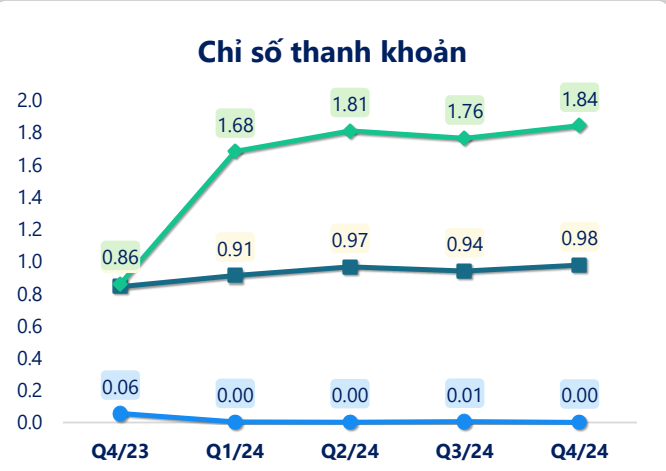
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



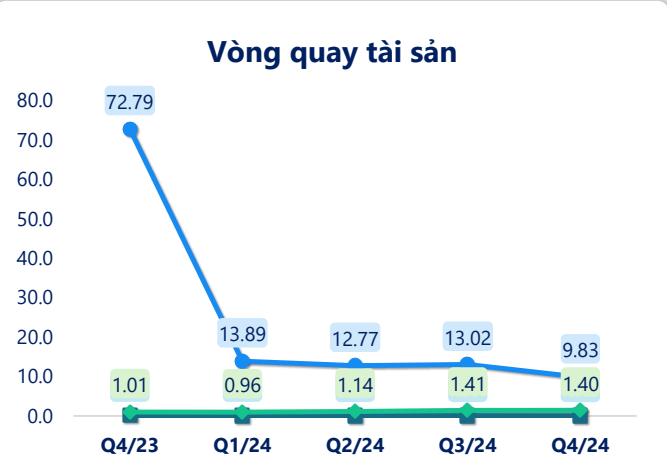
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**4,756**	**4,976**	**5,048**	**5,121**	**4,160**
Tài sản ngắn hạn	**1,532**	**3,314**	**3,399**	**3,467**	**3,481**
Tiền và tương đương tiền	99.7	8.97	4.92	11.1	1.31
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.3	0.29	0.29	0.29	0.29
Phải thu ngắn hạn	1,349	1,774	1,795	1,825	1,830
Hàng tồn kho	31.6	1,516	1,584	1,618	1,635
Tài sản ngắn hạn khác	12.4	14.6	15.4	13.0	13.2
Tài sản dài hạn	**3,224**	**1,662**	**1,649**	**1,655**	**679**
Phải thu dài hạn	441	138	148	148	148
Tài sản cố định	4.48	38.0	39.0	35.9	35.2
Bất động sản đầu tư	52.4	10.6	8.45	10.5	10.3
Tài sản dở dang	1,023	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	652	979	1,002	1,004	35.0
Tài sản dài hạn khác	0.32	342	301	311	310
Lợi thế thương mại	1,051	154	150	146	141
Nợ phải trả	**4,546**	**4,782**	**4,913**	**5,037**	**4,092**
Nợ ngắn hạn	**1,778**	**1,969**	**1,877**	**1,965**	**1,888**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	209	360	318	309	279
Phải trả người bán ngắn hạn	133	139	151	191	152
Nợ dài hạn	2,768	2,813	3,036	3,072	2,204
Vay và nợ thuê dài hạn	1,998	1,998	2,331	2,314	1,529
Nguồn vốn chủ sở hữu	**210**	**195**	**136**	**84.5**	**67.9**
Vốn chủ sở hữu	**210**	**195**	**136**	**84.5**	**67.9**
Vốn điều lệ	380	380	380	380	380
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)